

ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ THƯ VIỆN ĐẠI HỌC

E.G. Krasikova

Vào năm 2008-2009, tại trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Vitebsk mang tên P.M. Masherova, một cuộc điều tra xã hội học quy mô lớn đã được tiến hành. Một trong những mục đích của cuộc điều tra này là tìm hiểu về văn hóa thông tin và hành vi thông tin của sinh viên. 864 sinh viên năm thứ II và IV của tất cả các khoa đào tạo chính khóa đã tham gia cuộc khảo sát (số lượng được chọn theo các khoa và khóa học với tỷ lệ – 1:3).

Sự lựa chọn này mang tính đại diện nên kết quả thu được được coi như ý kiến chung của các sinh viên trong trường.

Những quan niệm của sinh viên về thư viện đại học hiện nay

Cách nhìn của sinh viên về thư viện trường đại học hiện nay hoàn toàn phù hợp với những xu hướng phát triển của hoạt động thư viện và chức năng đặc thù của một trường đại học khu vực. Các sinh viên cho điều quan trọng nhất là khả năng truy cập tới nguồn tin truyền thống và điện tử hiện có tại trường, cũng như nguồn tài nguyên thông tin của thế giới. Ba đặc tính của thư viện đại học được sinh viên cho là quan trọng nhất là: vốn tư liệu đầy đủ, khả năng truy cập mạng Internet và có thư viện điện tử (Bảng 1).

Bảng 1: Tầm quan trọng của các đặc tính đối với một thư viện đại học hiện nay theo đánh giá của sinh viên (%)

TT	Những đặc tính của một thư viện đại học	Sinh viên năm thứ II	Sinh viên năm thứ IV	Trung bình
1	Kho tư liệu đầy đủ	62,2	57,8	59,9
2	Khả năng truy cập mạng Internet	49,2	52,5	50,5
3	Có thư viện điện tử	49,0	46,3	48,0
4	Xuất bản phẩm định kỳ đa dạng	38,7	32,9	35,9
5	Có mục lục điện tử	32,9	34,1	33,5
6	Có tài liệu dạng điện tử	28,2	30,9	29,6
7	Có trang web thông tin của thư viện	21,5	19,7	20,7

Việc lựa chọn những đặc tính quan trọng nhất của một thư viện đại học của sinh viên không phụ thuộc nhiều vào bậc học: với các khóa học cao hơn thì sự đánh giá mức quan trọng về sự đầy đủ của kho sách có giảm đi đôi chút, còn đánh giá mức độ quan trọng của khả năng truy cập Internet thì tăng không đáng kể. Với việc

lựa chọn những đặc tính này, sinh viên sẽ “trang bị” cho mình khả năng truy cập tới các nguồn thông tin học tập trong và ngoài thư viện trường.

Sinh viên muốn vượt ra ngoài phạm vi của một thư viện cụ thể và cho rằng, cần tiếp nhận thông tin qua Internet, và khi cần, sẽ nhận được tài liệu dạng điện tử từ

Nhìn ra thế giới

các thư viện khác (Bảng 2). Họ cũng hiểu tầm quan trọng của những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động

thông tin, và vì thế, tán thành việc cán bộ thư viện hướng dẫn cho bạn đọc về cách tìm tin.

Bảng 2: Đánh giá của sinh viên về tầm quan trọng của những dịch vụ hiện có và tiềm năng của thư viện (%)

Danh mục dịch vụ	Đánh giá									
	Rất cần		Tương đối cần		Không cần lắm		Không cần		Không có câu trả lời	
	Năm thứ II	Năm thứ IV	Năm thứ II	Năm thứ IV	Năm thứ II	Năm thứ IV	Năm thứ II	Năm thứ IV	Năm thứ II	Năm thứ IV
Truy cập CSDL qua Internet	39,6	45,2	32,0	26,5	12,2	12,7	7,3	6,2	8,9	9,4
Triển lãm sách mới	11,0	11,0	38,1	35,3	27,3	26,0	13,1	15,5	10,5	12,2
Triển lãm theo chuyên đề	4,8	9,1	31,1	27,1	34,8	29,0	16,8	20,6	12,5	14,2
Cung cấp thông tin qua thư điện tử	23,0	25,3	33,1	30,5	18,6	19,3	14,3	14,2	11,0	10,7
Cung cấp bản sao tài liệu dạng điện tử	35,2	40,8	32,3	30,2	14,9	14,4	9,8	8,3	7,8	6,3
Cho mượn sách liên thư viện	23,0	24,5	33,6	34,0	20,2	17,0	10,8	11,7	12,4	12,8
Cung cấp chỉ dẫn ảo	14,9	12,6	29,1	28,7	23,9	24,7	16,5	16,3	15,6	17,7
Hướng dẫn tìm tin cho bạn đọc	40,4	37,8	29,8	27,2	12,2	14,8	9,1	10,9	8,5	9,3
Triển lãm ảo	9,9	9,1	26,9	25,5	25,9	25,8	19,4	17,2	17,9	22,4

Sinh viên năm thứ II cho những dịch vụ “rất quan trọng” là: hướng dẫn bạn đọc tìm tin (40,4%), truy cập vào CSDL qua mạng Internet (39,6%) và cung cấp bản sao tài liệu dạng điện tử (35,2%). Đối với sinh viên năm thứ IV, những dịch vụ này cũng “rất quan trọng”, nhưng theo một thứ tự khác: truy cập CSDL qua mạng Internet (45,2%), cung cấp tài liệu điện tử (40,8%) và hướng dẫn bạn đọc tìm tin (37,8%). Rõ ràng, sinh viên năm thứ IV cảm thấy tự tin trong việc khai thác thông tin hơn so với các sinh viên khóa dưới và ít cần đến sự trợ giúp của cán bộ thư viện hơn. Đồng thời, họ đánh giá cao hơn khả năng tiếp nhận

nguồn tin từ bên ngoài, trong đó có tài liệu toàn văn.

Sinh viên là những người thực dụng trong nhu cầu sử dụng thông tin và họ cho rằng phải được đáp ứng nhu cầu đó khi cần thiết. Điều này, theo chúng tôi, lý giải cho việc đánh giá không cao những dịch vụ thư viện truyền thống như triển lãm sách.

Để chuẩn bị lên lớp, sinh viên thường sử dụng giáo trình, sách tra cứu, xuất bản phẩm định kỳ và họ thích sử dụng chúng dưới dạng in truyền thống, thuận tiện nhất cho việc cảm nhận (Bảng 3).

Nhìn ra thế giới

Bảng 3: Đánh giá về các hình thức tiếp nhận thông tin được sinh viên ưa thích (%)

Loại hình tài liệu	Dạng in			Dạng điện tử			Không quan trọng về dạng tài liệu		
	Năm thứ II	Năm thứ IV	Trung bình	Năm thứ II	Năm thứ IV	Trung bình	Năm thứ II	Năm thứ IV	Trung bình
Giáo trình	72,6	60,6	66,3	9,1	19,3	14,4	18,3	20,1	19,3
Tạp chí	68,6	57,2	62,65	16,0	24,9	20,55	15,4	17,9	16,8
Tài liệu tra cứu	49,2	39,9	44,1	27,8	36,6	32,5	23,0	23,5	23,4

Câu trả lời của sinh viên được đưa ra trong Bảng 3 hoàn toàn đúng như dự đoán. Làm việc với những tài liệu tra cứu không đòi hỏi quá nhiều thời gian, vì vậy hình thức cung cấp thông tin không quá quan trọng. Với giáo trình và xuất bản phẩm định kỳ, hiển nhiên đọc trên giấy sẽ thuận tiện và hiệu quả hơn so với đọc trên màn hình. Sự tăng lên đôi chút cùng với độ tăng của năm học về sự thích đọc dạng điện tử hơn, theo chúng tôi, có lẽ gắn với sự thích ứng cao của các sinh viên sắp ra trường với môi trường thông tin mới và nỗ lực tìm kiếm những thông tin còn thiếu trên Internet.

Như vậy, để tìm kiếm những thông tin mong muốn, sinh viên vẫn thích sử dụng thư viện trường học hiện tại hơn, nơi dành cho họ những nguồn tài liệu và dịch vụ đổi mới cùng với những hình thức truyền thống, và họ công nhận vai trò của thư viện trường trong việc cung cấp sự tiện ích cho người sử dụng thông tin.

Văn hóa thông tin (VHTT) của sinh viên là cơ sở cho hoạt động học tập của họ

Việc sử dụng tiềm lực thông tin to lớn được xã hội tích lũy đòi hỏi người sử dụng phải có trình độ văn hóa thông tin cao.

Khái niệm *văn hóa thông tin* được luận giải theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa hẹp – đó là sự tổng hợp một cách có hệ thống kiến thức, sự am hiểu và kỹ năng để đảm bảo thực hiện tối ưu hoạt động thông tin cá nhân nhằm thỏa mãn các nhu cầu cả nghề nghiệp lẫn phi nghề nghiệp (Iu.S. Zub). Theo nghĩa rộng - nó được xem như là một trong những thành tố tạo nên văn hóa chung của con người; là toàn bộ thế giới quan về thông tin và hệ thống kiến thức, kỹ năng đảm bảo cho hoạt động có định hướng độc lập trong việc thỏa mãn tối ưu các nhu cầu thông tin cá nhân thông qua sử dụng các công nghệ truyền thống cũng như các công nghệ thông tin mới [1].

Ngày nay, VHTT được coi là một nhân tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp và các hoạt động khác, đồng thời là yếu tố bảo vệ nhân cách xã hội trong xã hội thông tin. Sự cần thiết của việc giáo dục về thông tin gắn liền với sự thay đổi hình thái đào tạo đại học hiện nay. Luận đề “Học tập suốt đời” được thay thế bằng một luận đề mới - “Học tập trong suốt cả cuộc đời”. Tính liên tục của học tập phải đảm bảo làm mới kiến thức cá nhân bằng cách tạo ra trong quá

Nhìn ra thế giới

trình học tập nhu cầu về kiến thức mới và thu nhận được kỹ năng về ứng xử thông tin đảm bảo thỏa mãn nhu cầu này.

Làm việc với thông tin gắn liền với toàn bộ hoạt động học tập của sinh viên. Các chuẩn về giáo dục của Cộng hòa Belarus trước đây (năm 1998) đã đề ra yêu cầu với một chuyên gia như một người dùng thông tin: làm việc với các kho thư viện, áp dụng những phương pháp tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng thông tin một cách thích hợp, định hướng được về tài liệu xuất bản theo chuyên môn.

Việc giảng dạy môn học “Những kiến thức cơ bản về thư viện-thư mục học” cho các sinh viên năm thứ I, sáu giờ đối với hệ chính khóa và hai giờ đối với hệ hàm thụ, được giới hạn trong việc tìm hiểu các thuật toán tìm kiếm thư mục trong hệ thống tra cứu thư mục của thư viện và cách mô tả thư mục tài liệu.

Các chuẩn giáo dục mới của Cộng hòa Belarus đối với giai đoạn đầu của giáo dục đại học (năm 2008) dành cho việc tự học không dưới 50% thời gian học tập và kèm theo một loạt các yêu cầu về năng lực chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp. Ngoài những kỹ năng làm việc với tài liệu chuyên môn, những kỹ năng quản lý thông tin và biết cách sử dụng nguồn tài nguyên thông tin toàn cầu cũng được xếp vào những yêu cầu trong chuẩn của phần lớn các chuyên ngành.

Yêu cầu về sự thành thạo đối với sinh viên tốt nghiệp không thuộc chuyên ngành sư phạm còn bao gồm: tìm kiếm thông tin, hệ thống hóa và phân tích thông tin, làm tóm tắt và tổng quan, kể cả tổng quan phân tích. Đối với các chuyên ngành thuộc khối sư phạm, một trong những yêu cầu là biết

cách phát triển kỹ năng làm việc với thông tin cho học sinh.

Như vậy, sinh viên tốt nghiệp phải có khái niệm về đặc thù vận hành của dòng tài liệu, về các tài liệu cấp một và nguồn thông tin thứ cấp, các kỹ năng tìm kiếm thông tin trong hệ thống thông tin truyền thống và tự động hóa, xử lý phân tích-tổng hợp thông tin. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ cho phép các sinh viên - các chuyên gia tương lai - sử dụng một cách hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin của thế giới, và khi cần, có thể “chuyển tiếp” các kiến thức thông tin.

Hiệu quả học tập của sinh viên phụ thuộc vào việc họ cảm thấy tiện lợi ra sao trong môi trường thông tin. Các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với thông tin gắn với một trong những mâu thuẫn lớn nhất hiện nay: đó là sự gia tăng chưa từng có trước đây của khối lượng kiến thức và khả năng tiếp nhận chúng của từng cá nhân. Hậu quả của mâu thuẫn này gây ảnh hưởng đến hoạt động học tập của sinh viên, như thiếu thời gian để xử lý những khối lượng thông tin khổng lồ, bỏ sót thông tin cần thiết, bắt buộc phải có những kiến thức về thông tin, có sự am hiểu và kỹ năng làm việc với thông tin.

Về những vấn đề nảy sinh đối với người sử dụng thông tin, 53,8% sinh viên cho là họ không truy cập được tới tất cả thông tin cần thiết từ một chỗ; 50,6% - cho là thiếu thời gian; 26,0% - đào tạo chưa đủ trong lĩnh vực tìm tin. Nói chung, những vấn đề này có thể cản trở hoạt động thông tin của sinh viên. Các sinh viên đều hiểu vai trò cầu nối của thông tin - đó là thư viện và cán bộ thư viện, tính trung bình 67,6% đối tượng được khảo sát cho “hướng dẫn tìm tin” nằm trong số những dịch vụ thư viện

Nhìn ra thế giới

được ưa thích hơn cả.

Sinh viên cũng đã nêu ra sự thiếu hụt kiến thức khi làm việc với thông tin của bản thân (Bảng 4). Những vấn đề lớn nhất

họ gặp phải là khi tìm kiếm thông tin trong môi trường tự động hóa: 40,7% sinh viên năm thứ II và 35,3% sinh viên năm thứ IV thừa nhận như vậy.

Bảng 4: Sự thiếu hụt kiến thức khi làm việc với thông tin của sinh viên (%)

Kiến thức và kỹ năng thông tin	Năm thứ II	Năm thứ IV	Trung bình
Chưa nắm vững phương pháp tìm tin trong môi trường tự động	40,7	35,3	37,4
Chưa nắm vững phương pháp tìm tin trong môi trường truyền thống	24,6	18,3	21,7
Không biết quy tắc trình bày thư mục viết	18,8	13,5	16,3
Không biết cách diễn đạt yêu cầu	13,7	11,1	12,3
Không có kỹ năng làm việc với nguồn tin (tóm tắt, trích yếu, làm tổng quan)	9,0	4,8	6,9
Không cảm thấy thiếu kiến thức	29,3	41,6	35,5

Bảng 4 cho thấy, không có sự khác biệt đáng kể về mức độ đào tạo về thông tin của sinh viên năm thứ II và IV (theo đa số các tiêu chí, sinh viên năm thứ IV công nhận còn thiếu kiến thức và kỹ năng chỉ ít hơn 5% so với sinh viên năm thứ II).

Các cách thức tìm kiếm được sinh viên lựa chọn, không phụ thuộc vào bậc học, cho thấy việc đào tạo chưa đầy đủ cho việc tìm kiếm thông tin. Do đó, để có thông tin về tài liệu mới trong thư viện đại học, 13,6% sinh viên năm thứ II và 15,8% sinh viên năm thứ IV sử dụng mục lục bằng phiếu; 23,2% sinh viên năm thứ II và 21,1% sinh viên năm thứ IV - sử dụng thư mục điện tử, không thể được coi là nguồn thông tin hiệu quả về tài liệu mới.

Như vậy, kết quả nghiên cứu đã cho thấy mức độ thiếu hụt về VHTT của sinh viên trong trường. Xã hội thông tin đang làm phức tạp các đòi hỏi về vốn kiến thức thông tin. Sự gia tăng theo cấp số của khối lượng

thông tin và nhu cầu sử dụng chúng để giải quyết các nhiệm vụ học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động nghề nghiệp khác đang đặt ra vấn đề về đào tạo cho sinh viên kỹ năng làm việc với thông tin, những kỹ năng mà sau này trở thành điều kiện của việc giáo dục nghề nghiệp không ngừng nghỉ. Thực trạng về mức độ am hiểu thông tin của sinh viên cho thấy sự cần thiết phải xây dựng một hệ thống tạo ra VHTT, việc làm này phải mang tính hệ thống, với việc nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong khuôn khổ của một môn học riêng nằm trong chương trình học, và sau đó, được thực hiện trong quá trình giảng dạy tất cả các môn học. Song song với việc này, cần phải xây dựng một hệ thống hình thành VHTT cho các giảng viên, bởi vì chính thông qua họ “việc truyền bá” cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thông tin sẽ được thực hiện trong quá trình học tất cả các môn học.

Hành vi thông tin của sinh viên

Nghiên cứu các kênh tiếp nhận thông tin nghề nghiệp của sinh viên được cho là rất quan trọng, bởi vì sinh viên, những chuyên gia tiềm năng, và tương lai của đất nước phụ thuộc vào khả năng và sự thích ứng của họ với những điều kiện hoạt động nghề nghiệp liên tục thay đổi.

Những chuyên gia tương lai có được kỹ năng về hành vi thông tin trong trường đại học vì trong quá trình học tập họ thực hiện việc tìm tin, xử lý một khối lượng lớn thông tin.

Để nghiên cứu hành vi thông tin của sinh viên, các chỉ tiêu sau đã được sử dụng: động cơ và tần số sử dụng thông tin, các kênh tiếp nhận thông tin [2], phạm vi các nguồn thông tin.

Phần lớn những người được hỏi là bạn đọc của thư viện trường đại học - 79,2% và của Thư viện khoa học tổng hợp khu vực Vitebsk (VOUNB) - 67,0%. 23,4% số người được hỏi đến các thư viện công cộng của Vitebsk và các thư viện gần nơi họ cư trú (sinh viên ngoài thành phố). Số sinh viên sử dụng nguồn tài liệu của Thư viện Quốc gia và Thư viện Viện Hàn lâm là không đáng kể - 2,3% và 0,3%.

Với lượng bài tập ngày càng phức tạp, các sinh viên năm thứ IV phải sử dụng kho tài liệu của các thư viện khoa học tổng hợp thường xuyên hơn (VOUNB - 72,8%, Thư viện Quốc gia - 3,4%) so với các sinh viên năm thứ II (VOUNB - 62,9% và Thư viện Quốc gia - 0,9%). Để đáp ứng nhu cầu về những tài liệu không có trong thư viện của trường, 58,3% sinh viên từ 1 lần/tháng hoặc vài lần/năm phải nhờ đến nguồn tài liệu của các thư viện khác.

Sinh viên đến thư viện trường chủ yếu do cần thiết, liên quan đến các bài tập giáo viên giao. Mục đích chính của việc đến thư

viện đối với phần lớn sinh viên là tìm tài liệu liên quan đến đề tài (63,4%) và nhận những sách đang cần (50,6%); 25,9% số người được hỏi đến thư viện để tìm thông tin dữ kiện.

Đối với 60,3% sinh viên, kênh tiếp nhận thông tin chính về nguồn tài liệu mới ở thư viện là qua những bạn học cùng khóa; 26,2% - qua triển lãm sách mới; 22,3% - qua mục lục điện tử; 9,4% - từ những cuốn thông báo sách mới; 9,2% - từ những thông báo và triển lãm được đăng trên trang web của thư viện. Chỉ 2,9% sinh viên tự đến thư viện để tìm hiểu về sách mới. Như vậy, phần lớn sinh viên không chủ tâm tìm thường xuyên thông tin về tài liệu mới. Chỉ số này giảm từ 66,9% trong năm thứ II xuống 53,7% trong năm thứ IV. Tỷ lệ phần trăm của các chỉ số cho phép theo dõi nguồn tài liệu mới trong thư viện của trường không những không tăng trong năm thứ IV, mà thậm chí ở một vài trường hợp còn giảm đi chút ít (ví dụ như: triển lãm sách mới và những thông báo và triển lãm ảo được đăng trên trang web của thư viện).

Để đảm bảo cho hoạt động học tập của mình, sinh viên thường sử dụng các loại sách giáo trình và tạp chí hơn. Trung bình 20,5% sinh viên, ít nhất một lần trong tuần, và 15,8% - ít nhất một lần trong tháng, đến các phòng đọc và mượn sách tại thư viện chính và các chi nhánh của thư viện, cũng như phòng tài liệu điện tử.

Ba nguồn tin điện tử được sinh viên thường xuyên sử dụng hơn cả (không phụ thuộc vào khóa học) là: mục lục điện tử (47,4%), các tài liệu phương pháp luận khoa học do các giảng viên đại học soạn thảo (43,9%) và những tài liệu học tập được số hóa (34,9%). 28% sinh viên sử dụng mục lục điện tử hơn một lần trong tháng.

Các sinh viên chưa tích cực khai thác các

Nhìn ra thế giới

dịch vụ được thư viện trường cung cấp: mượn liên thư viện - 5,0%, sao chụp tài liệu - 4,4%, cung cấp tài liệu điện tử - 3,9%. 8,7% số người được hỏi đặt mua bản sao tài liệu điện tử theo kênh riêng, không qua các dịch vụ của thư viện.

Để chuẩn bị cho các buổi thảo luận, viết báo cáo và thuyết trình, sinh viên chủ yếu sử dụng: sách giáo trình (87,2%), xuất bản phẩm định kỳ (41,0%), các bài thuyết trình có sẵn trên Internet (49,9%), thông tin được đăng tải trên các trang web về giáo dục (20,1%), những tài liệu từ máy chủ của các trường đại học (10,7%).

Phạm vi sử dụng nguồn thông tin của sinh viên là một trong số tiêu chí cho phép đánh giá mức độ chuẩn bị khóa luận. Thông thường, bài khóa luận là công trình nghiên cứu đầu tiên của sinh viên, mà trong quá trình thực hiện nó, sinh viên học được cách sử dụng các tư liệu khác nhau, trước hết là tài liệu khoa học. Khi viết khóa luận, phần lớn sinh viên sử dụng sách giáo trình (91,6%); 61,5% - sử dụng xuất bản phẩm định kỳ, 41,1% - sử dụng thông tin từ Internet. Sách chuyên khảo và tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học là nguồn tin cho 1/3 số sinh viên. Các sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, khi viết khóa luận, cũng dùng đến sách giáo trình (90,2%) và xuất bản phẩm định kỳ (73,1%), tuy nhiên, phạm vi tư liệu rộng hơn và sử dụng thường xuyên hơn các sách chuyên khảo (41,5%) và tuyển tập khoa học (38,5%).

Cách đáp ứng nhu cầu thông tin nói lên sự thích ứng của người sử dụng trong môi trường thông tin mới. Hơn 90% số sinh viên được hỏi đều sử dụng Internet, trong đó 45,2% - sử dụng máy tính tại nhà. Điều cuốn hút hơn cả của Internet đối với sinh viên là khả năng không cần ra khỏi nhà vẫn có được thông tin toàn văn (67,1%), tìm

được thông tin cần thiết tại các thư viện khác (42,9%); 55,7% sinh viên cố thử qua Internet và những nguồn thông tin khác tìm những cuốn sách cần cho nghiên cứu nhưng thư viện trường không có. Đồng thời, 25,2% sinh viên có máy tính tại nhà với quyền truy cập vào Internet nhưng không vào trang web của thư viện.

Trung bình, 30,1% sinh viên vào website của thư viện Đại học Tổng hợp Quốc gia Vitebsk, VOUNB – 23,2%, Thư viện Quốc gia Bêlarút – 12,3%, Thư viện Khoa học trung ương của Viện Hàn lâm khoa học Quốc gia – 6,6%. 46,8% số người được hỏi không vào trang thông tin điện tử của các thư viện. Sinh viên thường hay vào các trang web có thông tin về giáo dục (53,9%), các bài thuyết trình (48,1%) và cả thông tin giải trí (36,6%).

Như vậy, trong hoạt động học tập, sinh viên sử dụng cả nguồn thông tin truyền thống và điện tử, cũng như khả năng của mạng toàn cầu.

Một số các dịch vụ thư viện như triển lãm sách truyền thống và ảo, mượn liên thư viện và cung cấp tài liệu điện tử, chưa được sinh viên quan tâm nhiều. Do vậy, thư viện cần tích cực hơn trong việc thúc đẩy các nguồn lực và dịch vụ của mình.

Tài liệu tham khảo

1. **Формирование** информационной культуры личности в библиотеках и образовательных учреждениях /Гендина Н. И. и др. – 2-е изд, перераб. – Москва, 2003. – 296 с.
2. **Кулакова Е. В.** Информационное поведение специалистов: сущность и пути изучения : дис. канд. пед. наук: 05.25.03 / Е. В. Кулакова. – Москва, 2000. – 304 с.

Nguyễn Tú Quyên dịch
(Tài liệu gốc: *Nauch. i tekhn. b-ki.* - 2011,
No.3, pp.115-124)